TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1139/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Kha L, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Kha L cưới vào năm 1999 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bích S, sinh ngày 06/3/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Hai bên không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Kha L.

Về con chung: Tại đơn kiện thì bà có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Kha L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, cháu S có bản khai thể hiện nguyện vọng được sống chung với cha. Do đó, bà đồng ý để ông Kha L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, việc cấp dưỡng nuôi cháu S do bà và ông Kha L tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản khai ngày 24/11/2017, bị đơn Nguyễn Kha L trình bày tóm tắt như sau: Ông thống nhất với ý kiến của bà Đ về thời gian cưới nhau, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Ông xác định từ khi cưới đến nay, ông và bà Đ chưa đăng ký kết hôn. Nay bà Đ xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án không công nhận hai bên là vợ chồng.

Về con chung: Ông xác định ông và bà Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích S, sinh ngày 06/3/2000, hiện đang sống chung với ông. Khi ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu S.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp cháu S muốn sống với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất với ý kiến của bà Đ là hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 28/11/2017, cháu Nguyễn Thị Bích S có nêu nguyện vọng được sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, do các đương sự không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Bà Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải về các nội dung khác. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Kha L có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Kha L: Bà Đ và ông Kha L đều trình bày hai bên cưới nhau từ năm 1999, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày này của bà Đ, ông Kha L phù hợp với xác nhận ngày 08/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, thì bà Đ và ông Kha L không được công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về quyền nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Bích S có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Bà Đ và ông Kha L có ý kiến đồng ý theo nguyện vọng của cháu S. Căn cứ quy định tại

Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu S cho ông Kha L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Kha L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Kha L là vợ chồng.

2. Về quyền nuôi con chung: Ông Nguyễn Kha L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị Bích S, sinh ngày 06/3/2000, hiện do ông Kha L trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Kha L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Đ theo quy định của pháp luật. Ông Kha L cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của bà Đ.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của cháu S thì ông Kha L, bà Đ, người thân thích của cháu S, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0001682 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí, nên bà Đ không phải nộp tiếp. Ông Nguyễn Kha L không phải chịu án phí.

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
-Đương sự;
-Lưu HS, án văn.